

Số: 314/TM-BVPHCN

Tây Ninh, ngày 20 tháng 5 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Về việc mời đơn vị chào giá gói thầu:
**Mua sắm trang phục y tế cho viên chức, người lao động năm 2026
tại Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Tây Ninh**

Kính gửi: Các Quý Công ty

Căn cứ Luật Đấu thầu 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Bộ Y tế Quy định về trang phục y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 07 tháng 08 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định về thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 10690/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Tây Ninh trực thuộc Sở Y tế tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-BVPHCN ngày 22 tháng 04 năm 2026 của Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt danh sách và số lượng mua sắm trang phục y tế cho viên chức, người lao động năm 2026 tại Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Tây Ninh.

Để có cơ sở xây dựng giá dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu cũng như các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu gói thầu “Mua sắm trang phục y tế cho viên chức, người lao động năm 2026 tại Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Tây Ninh”. Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Tây Ninh kính mời các Quý Công ty có đầy đủ tư cách pháp nhân, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, có nhu cầu tham gia gửi bản chào giá với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá.

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Tây Ninh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận chào giá.

- Tên người liên hệ: Bà Đặng Thị Nguyệt, Phòng Tổ chức-Hành chính Quản trị .
- Số điện thoại VP: 02763827032; DD: 0909777044

3. Cách thức tiếp nhận báo giá.

Các đơn vị có thể gửi thư báo giá theo các hình thức sau:

- Nhận bản giấy tại địa chỉ: Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Tây Ninh, số 04, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố 5, Phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Nhận qua Email: Bản scan báo giá và file trang tính excel gửi về địa chỉ thư điện tử Email: bvphentayninh1@gmail.com.

- Đường link truy cập tải danh mục chi tiết và biểu mẫu thực hiện báo giá: Website <https://bvphentayninh.vn>; muasamcong.mpi.gov.vn;

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá.

- Từ 7 giờ, ngày 21/5/2026 đến trước 17 giờ ngày 04/6/2026.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn hiệu lực của báo giá.

Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày gửi báo giá

II. Nội dung yêu cầu báo giá.

1. Danh mục đề nghị báo giá.

(Đính kèm danh mục yêu cầu báo giá)

2. Các thông tin khác.

Bảng cung cấp thông tin hàng hóa và báo giá thực hiện theo đúng “**Mẫu báo giá**” đính kèm, gồm: Số thứ tự; Tên hàng hóa; Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất; Mã HS; Năm sản xuất; Xuất xứ; Số lượng; Đơn giá; Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn; Chi phí cho các dịch vụ liên quan; Thuế, phí, lệ phí (nếu có); Thành tiền.

(Đính kèm Biểu mẫu bảng báo giá)

Ghi chú: Tổng giá trị báo giá phải bảo đảm đầy đủ số lượng các mặt hàng theo danh mục để làm cơ sở xây dựng giá gói thầu theo hình thức trọn gói.

Bên chào giá đồng ý cho Bệnh viện được quyền sử dụng hoặc loại bỏ các văn bản báo giá mà không phải thông báo lý do với đơn vị báo giá.

Bản báo giá của các Quý Công ty sẽ là căn cứ để Bệnh viện thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu, rất mong được sự quan tâm và tham gia từ phía các Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- muasamcong.mpi.gov.vn;
- Website <https://bvphentayninh.vn>;
- Lưu: VT; TC-HCQT.



Trần Huyền Trân

DANH MỤC MUA SẴM
TRANG PHỤC Y TẾ CHO VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2026
TẠI BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TỈNH TÂY NINH

(Kèm theo Thư mời chào giá số: 344/TM-BVPHCN ngày 20/5/2026 của Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Tây Ninh)

Số TT	Loại trang phục	Mô tả hàng hóa 2026	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
01	Trang phục y tế Bác sĩ	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none">- Màu sắc: Màu trắng.- Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương- Tiêu chí kỹ thuật vải:<ul style="list-style-type: none">+Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 160.2 ± 0.2+Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $280 \times 270 \pm 2$+Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.39 ± 0.2+Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $671.3 \times 764.9 \pm 2$+Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) - $1.7 \times - 1.1 \pm 0.2$+Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5+Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019)<ul style="list-style-type: none">Polyester 64.6 ± 0.5Cotton 35.4 ± 0.5- Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. <p>Quần:</p> <p>Đối với nam</p> <ul style="list-style-type: none">- Chất liệu: Vải Kaki hoặc tương đương- Tiêu chí kỹ thuật vải:<ul style="list-style-type: none">+Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 206.7 ± 0.2	Bộ	28	

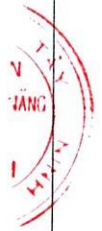
Số TT	Loại trang phục	Mô tả hàng hóa 2026	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		<p>+Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (ĐọcxNgang) 430 x 200 ±2 +Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.39 ±0.2 +Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (ĐọcxNgang) 1952.3 x 799.9 ±2 +Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (ĐọcxNgang) -1.5 x 0.3 ±0.2 +Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 +Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 86.3 ± 0.5 Cotton 13.7 ± 0.5</p> <p>Đối với nữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Vải Kaki thun hoặc tương đương - Tiêu chí kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 248.2 ± 0.2 +Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (ĐọcxNgang) 460 x 337 ± 2 +Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.51 ± 0.2 +Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (ĐọcxNgang) 1646.7 x 1059.6 ± 2 +Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (ĐọcxNgang) -1.2 x - 1.5 ± 0.2 +Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 +Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 75.2 ± 0.5 Rayon 22.6 ± 0.5 Spandex 2.2 ± 0.5 - Màu sắc: Màu trắng. - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. <p>Mũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Theo màu sắc của áo - Chất liệu: Theo chất liệu của áo <p>May đo, có in logo của bệnh viện</p>			

Số TT	Loại trang phục	Mô tả hàng hóa 2026	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
02	Trang phục y tế Điều dưỡng	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương - Tiêu chí kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 160.2 ± 0.2 +Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (ĐọcxNgang) $280 \times 270 \pm 2$ +Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.39 ± 0.2 +Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (ĐọcxNgang) $671.3 \times 764.9 \pm 2$ +Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (ĐọcxNgang) - $1.7 \times - 1.1 \pm 0.2$ +Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 +Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) <p>Polyester 64.6 ± 0.5 Cotton 35.4 ± 0.5</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm.. <p>Quần:</p> <p>Đối với nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Vải Kaki hoặc tương đương - Tiêu chí kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 206.7 ± 0.2 +Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (ĐọcxNgang) $430 \times 200 \pm 2$ +Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.39 ± 0.2 +Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (ĐọcxNgang) $1952.3 \times 799.9 \pm 2$ +Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (ĐọcxNgang) -$1.5 \times 0.3 \pm 0.2$ +Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 +Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) <p>Polyester 86.3 ± 0.5 Cotton 13.7 ± 0.5</p> <p>Đối với nữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Vải Kaki thun hoặc tương đương 	Bộ	42	



Số TT	Loại trang phục	Mô tả hàng hóa 2026	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		<p>- Tiêu chí kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 248.2 ± 0.2 +Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (ĐọcxNgang) $460 \times 337 \pm 2$ +Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.51 ± 0.2 +Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (ĐọcxNgang) $1646.7 \times 1059.6 \pm 2$ +Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (ĐọcxNgang) $-1.2 \times -1.5 \pm 0.2$ +Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 +Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 75.2 ± 0.5 Rayon 22.6 ± 0.5 Spandex 2.2 ± 0.5 - Màu sắc: Màu trắng. Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Mũ: - Màu sắc: Theo màu sắc của áo - Chất liệu: Theo chất liệu của áo May đo, có in logo của bệnh viện</p>			
03	Trang phục y tế kỹ thuật y	<p>Áo: - Màu sắc: Màu Trắng - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương - Tiêu chí kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 160.2 ± 0.2 +Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (ĐọcxNgang) $280 \times 270 \pm 2$ +Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.39 ± 0.2 +Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (ĐọcxNgang) $671.3 \times 764.9 \pm 2$ +Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (ĐọcxNgang) $-1.7 \times -1.1 \pm 0.2$ +Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 +Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.6 ± 0.5 Cotton 35.4 ± 0.5</p>	Bộ	46	

Số TT	Loại trang phục	Mô tả hàng hóa 2026	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		<p>- Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có túi (3 túi dành cho nam, 2 túi dành cho nữ), có khuy cài bên trên ngực trái.</p> <p>Quần:</p> <p>Đối với nam</p> <p>- Chất liệu: Vải Kaki hoặc tương đương</p> <p>- Tiêu chí kỹ thuật vải:</p> <p>+Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 206.7 ± 0.2</p> <p>+Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (ĐọcxNgang) $430 \times 200 \pm 2$</p> <p>+Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.39 ± 0.2</p> <p>+Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (ĐọcxNgang) $1952.3 \times 799.9 \pm 2$</p> <p>+Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (ĐọcxNgang) $-1.5 \times 0.3 \pm 0.2$</p> <p>+Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5</p> <p>+Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019)</p> <p>Polyester 86.3 ± 0.5</p> <p>Cotton 13.7 ± 0.5</p> <p>Đối với nữ</p> <p>- Chất liệu: Vải Kaki thun hoặc tương đương</p> <p>- Tiêu chí kỹ thuật vải:</p> <p>+Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 248.2 ± 0.2</p> <p>+Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (ĐọcxNgang) $460 \times 337 \pm 2$</p> <p>+Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.51 ± 0.2</p> <p>+Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (ĐọcxNgang) $1646.7 \times 1059.6 \pm 2$</p> <p>+Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (ĐọcxNgang) $-1.2 \times -1.5 \pm 0.2$</p> <p>+Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5</p> <p>+Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019)</p> <p>Polyester 75.2 ± 0.5 Rayon 22.6 ± 0.5</p> <p>Spandex 2.2 ± 0.5</p> <p>- Màu sắc: Màu trắng.</p> <p>Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>Mũ:</p>			



Số TT	Loại trang phục	Mô tả hàng hóa 2026	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		- Màu sắc: Theo màu sắc của áo - Chất liệu: Theo chất liệu của áo Máy đo, có in logo của bệnh viện			
04	Trang phục y tế hộ lý	Áo: - Màu sắc: Màu xanh hòa bình. - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương - Tiêu chí kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 158.4 ± 0.2 +Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (ĐọcxNgang) $287 \times 257 \pm 2$ +Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.38 ± 0.2 +Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (ĐọcxNgang) $900.2 \times 764.8 \pm 2$ +Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (ĐọcxNgang) - $1.6 \times - 1.3 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CÁP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 +Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.8 ± 0.5 Cotton 35.2 ± 0.5 - Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, cổ trái tim, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Quần: - Màu sắc: Màu xanh hòa bình. - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương - Tiêu chí kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 158.4 ± 0.2	Bộ	10	

Số TT	Loại trang phục	Mô tả hàng hóa 2026	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		+Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) 287 x 257 ±2 +Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.38 ±0.2 +Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) 900.2 x 764.8 ±2 +Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) - 1.6 x – 1.3 ±0.2Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 +Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.8 ± 0.5 Cotton 35.2 ± 0.5 - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Mũ: - Màu sắc: Theo màu sắc của áo Chất liệu: Theo chất liệu của áo Máy đo, có in logo của bệnh viện			
05	Trang phục bảo vệ	Áo: - Màu sắc: Màu ghi - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương - Tiêu chí kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 158.2 ± 0.2 +Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) 280 x 263 ±2 +Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.4 ±0.2 +Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) 725.9 x 739.1 ±2 +Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330 2021) (DọcxNgang) - 2.1 x – 1.5 ± 0.2 +Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 +Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 66.9 ± 0.5 Cotton 33.1 ± 0.5 - Kiểu dáng: Áo cổ đực, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay có măng xéc hoặc lơ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái Quần: Màu sắc: Màu ghi. Chất liệu: Vải kaki hoặc tương đương	Bộ	4	

Số TT	Loại trang phục	Mô tả hàng hóa 2026	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		<p>Tiêu chí kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 210.1 ± 0.2 Mật độ vải (Số/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $430 \times 204 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.37 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $1924.9 \times 838.2 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) $-1.2 \times -0.1 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 85.6 ± 0.5 Cotton 14.4 ± 0.5 - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, có 1 túi sau. May đo, có in logo của bệnh viện</p>			
06	Trang phục lái xe	<p>Áo: - Màu sắc: Màu xanh đen - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương - Tiêu chí kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 160.9 ± 0.2 +Mật độ vải (Số/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $254 \times 274 \pm 2$ +Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.43 ± 0.2 +Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $726.7 \times 775.2 \pm 2$ +Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) $-1.4 \times -1.8 \pm 0.2$ +Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 2-5 +Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 65.3 ± 0.5 Cotton 34.7 ± 0.5 Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Quần: Màu sắc: Màu xanh đen. Chất liệu: Vải kaki hoặc tương đương</p>	Bộ	02	

Số TT	Loại trang phục	Mô tả hàng hóa 2026	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		Tiêu chí kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 217.8 ± 0.2 +Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $430 \times 212 \pm 2$ +Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.38 ± 0.2 +Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $1815.4 \times 828.3 \pm 2$ +Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) - $1.3 \times 0.1 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 +Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 86.1 ± 0.5 Cotton 13.9 ± 0.5 - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, có 1 túi sau. May đo, có in logo của bệnh viện			
07	Trang phục khối hành chính nam	Áo nam - Màu sắc: Màu xanh, trắng - Chất liệu: Vải Kate mỹ hoặc tương đương + Tiêu chí kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 112.1 ± 0.2 +Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $383 \times 304 \pm 2$ +Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.20 ± 0.2 +Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $627 \times 698.3 \pm 2$ +Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) - $1.0 \times - 0.2 \pm 0.2$ +Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 +Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 78.9 ± 0.5 Rayon 21.1 ± 0.5 + Kiểu dáng: Áo sơ mi dài tay hoặc ngắn tay. Quần đối với nam: - Màu sắc: Màu đen -Chất liệu: Vải kaki hoặc tương đương -Tiêu chí kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 211.8 ± 0.2	Bộ	20	

Số TT	Loại trang phục	Mô tả hàng hóa 2026	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		+Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) 425 x 204 ±2 +Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.35 ±0.2 +Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) 1738.5 x 818.3 ±2 +Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) - 0.8 x 0.1 ±0.2 +Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 3-5 +Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 88.8 ± 0.5 Rayon 11.2 ± 0.5 + Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, có 01 túi sau. May đo, có thêu logo của bệnh viện			
08	Trang phục khối hành chính nữ	Áo nữ: - Màu sắc: Màu xanh, trắng - Chất liệu: Vải Kate mỹ hoặc tương đương + Tiêu chí kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 112.1 ± 0.2 +Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) 383 x 304 ± 2 +Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.20 ± 0.2 +Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) 627 x 698.3 ± 2 +Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) -1.0 x - 0.2 ± 0.2 +Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 +Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 78.9 ± 0.5 Rayon 21.1 ± 0.5 + Kiểu dáng: Áo sơ mi dài tay hoặc ngắn tay. Quần hoặc chân váy đối với nữ: - Màu sắc: Màu đen - Chất liệu: Vải tuytsi hoặc tương đương - Tiêu chí kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 285.9 ± 0.2 +Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) 645 x 340 ± 2 +Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.73 ± 0.2	Bộ	34	

Số TT	Loại trang phục	Mô tả hàng hóa 2026	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		+Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013), (ĐọcxNgang) 1237.2 x 903.7 ± 2 +Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021), (ĐọcxNgang) – 0.6 x – 0.2 ± 0.2 +Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 3-5 +Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) 100% Polyester - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo. Chân váy dài qua gối. May đo, có thêu logo của bệnh viện			





BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Tây Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của **Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Tây Ninh**, chúng tôi[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang phục y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang phục y tế

Số TT	Tên hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)	Thành tiền (VND)
Tổng cộng: mặt hàng											Tổng thành tiền:	

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày tháng năm 2026

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các trang phục y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng.....năm 2026

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

(Ký tên, đóng dấu)